

THỰC TRẠNG VỀ THẨM QUYỀN NGƯỜI ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Vũ Thị Thanh Huyền

Trường Đại học Lạc Hồng, số 10 Huỳnh Văn Nghệ, phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

*Tác giả liên hệ: huyenvtt@lhu.edu.vn

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận: 31/1/2024
Ngày hoàn thiện: 13/5/2024
Ngày chấp nhận: 14/6/2024
Ngày đăng: 11/10/2024

TỪ KHÓA

Đại diện;
Đại diện theo pháp luật;
Thẩm quyền;
Pháp nhân;
Doanh nghiệp.

TÓM TẮT

Quy định pháp luật về thẩm quyền của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Bộ luật Dân sự 2015, Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện nay còn nhiều bất cập và chưa rõ ràng. Chính điều này làm cho việc xác định cơ sở, phạm vi thẩm quyền của người đại diện khó khăn trong thực tế dẫn đến việc xác định trách nhiệm pháp lý của những người đại diện đối với doanh nghiệp hoặc của người đại diện, doanh nghiệp với bên thứ ba cũng không dễ dàng. Bài viết này sẽ dẫn chiếu, đối sánh các quy định pháp luật trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về thẩm quyền của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đồng thời phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về vấn đề này và đưa ra kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

LEGAL STATUS QUO ON THE AUTHORITY OF ENTERPRISES'
LEGITIMATE REPRESENTATIVES

Vu Thi Thanh Huyen

Lac Hong University, 10 Huynh Van Nghe street, Buu Long Ward, Bien Hoa city, Dong Nai province, Vietnam

*Corresponding Author: huyenvtt@lhu.edu.vn

ARTICLE INFO

Received: Jan 31st, 2024
Revised: May 13nd, 2024
Accepted: Jun 14th, 2024
Published: Oct 11st, 2024

KEYWORDS

Represent;
Legal representation;
competence;
Legal entities;
Enterprise.

ABSTRACT

Legal regulations on the authority of legal representatives of enterprises under the Civil Code 2015, the Enterprise Law 2020, and current guiding documents still have many shortcomings and are unclear. This makes it difficult to determine the basis and scope of the representative's authority in practice, which in turn makes it challenging to establish legal liability either for the representative towards the business or for the representative and the business towards a third party. This article will analyze and evaluate the current legal situation on the authority of enterprises by comparing legal provisions in relevant legal documents, as well as make recommendations for improving the law.

Doi: <https://doi.org/10.61591/jslhu.18.362>Available online at: <https://js.lhu.edu.vn/index.php/lachong>

1. KHÁI QUÁT VỀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Khái niệm đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Trước tiên, để hiểu về bản chất pháp lý về đại diện theo pháp luật (ĐDTPL) của doanh nghiệp (DN), chúng ta cần phải hiểu thế nào là đại diện. Theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Dân sự 2015 (BLDS) thì đại diện là việc cá nhân, pháp nhân nhân danh và vì lợi ích của cá nhân, pháp nhân khác xác lập, thực hiện các giao dịch. Việc đại diện này được thực hiện qua hai hình thức là đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền [1]. Đối với hình thức đại diện theo pháp luật thì quyền đại diện này sẽ hình thành dựa theo điều lệ của pháp nhân hoặc theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

BLDS chỉ điều chỉnh các quan hệ giữa các chủ thể là cá nhân và pháp nhân với nhau. Tuy nhiên, doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 (LDN) là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh, việc tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp được thực hiện thông qua các loại hình: công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân (DNTN) [2]. Trong đó, để xác định là pháp nhân cần phải đáp ứng đồng thời các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 74 BLDS và với các loại hình doanh nghiệp kể trên DNTN sẽ không phải là pháp nhân. Chính vì vậy, đây cũng không phải là chủ thể trong quan hệ dân sự.

Từ quy định tại khoản 1 Điều 12 LDN có thể khái quát được thế nào là ĐDTPL của DN. Theo đó, một cá nhân sẽ đại diện cho DN thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của DN, đại diện cho DN với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Với quy định này có thể thấy, việc đại diện này sẽ hình thành quan hệ giữa cá nhân người đại diện với chính DN và giữa cá nhân người đại diện cho DN với bên thứ ba [3]. Bản chất ĐDTPL quy định trong LDN là đồng nhất với BLDS nhưng về chủ thể được đại diện không chỉ giới hạn là pháp nhân mà còn là tổ chức không có tư cách pháp nhân khác. Ngoài ra, quy định trên sẽ giới hạn vai trò người ĐDTPL của DN, họ sẽ chỉ nhân danh DN để thực hiện các giao dịch mà vô tình lại bỏ quên chức năng xác lập giao dịch nhân danh DN – vốn là một trong các quyền hạn then chốt của chế định người ĐDTPL [3].

1.2 Chủ thể đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Theo LDN, chủ thể là bên ĐDTPL của DN chỉ là cá nhân, trong khi đó theo BLDS thì người đại diện có thể là cá nhân hay pháp nhân nếu cá nhân, pháp nhân đó có năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập, thực hiện [1]. Hay trong trường hợp tòa án, cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định người đại diện tham gia tố tụng dân sự cũng xác định là người đại diện có thể là cá nhân hay pháp nhân theo BLDS miễn sao người đại diện này không bị hạn chế quyền đại diện theo luật định [4]. Thực tế, việc quy định pháp nhân là người đại diện theo pháp luật cho một pháp nhân khác sẽ dựa trên việc pháp nhân đại diện sẽ ủy quyền đại diện cho cá

nhân là người đại diện thường trực thực hiện quyền đại diện hoặc nếu không ủy quyền thì người ĐDTPL cho chính pháp nhân đại diện đó sẽ trở thành người đại diện thường trực. Khi pháp nhân là người ĐDTPL cho DN sẽ có cơ sở đảm bảo được trách nhiệm đại diện đặc biệt trong vấn đề bồi thường thiệt hại cho DN, phải gánh chịu nếu có hành vi vi phạm và cơ sở áp dụng trách nhiệm pháp lý dân sự bồi thường vì bản thân pháp nhân đại diện có điều kiện về tài chính để đảm bảo trách nhiệm đại diện hơn so với cá nhân. Cùng với đó nó cũng phát huy hiệu quả, nhất quán hơn trong việc quản lý điều hành giữa các công ty mẹ và công ty con [5]. Tuy nhiên, hạn chế phải kể đến nếu chủ thể đại diện là pháp nhân chính là việc không dễ dàng xác định hay chứng minh được trách nhiệm liên đới của người đại diện thường trực của pháp nhân đại diện nếu có thiệt hại xảy ra cho pháp nhân được đại diện và bên liên quan.

Bên cạnh đó, người ĐDTPL của DN có thể là người quản lý DN theo luật định nếu điều lệ công ty không xác định hoặc xác định không rõ ràng. Trong trường hợp này, người ĐDTPL sẽ không thuộc các trường hợp không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo khoản 2 Điều 17 LDN và đồng thời không thuộc các trường hợp bị hạn chế quyền quản lý DN cũng như đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 12 LDN; hoặc người đại diện có thể không phải là người quản lý của DN nếu trong điều lệ xác định một người khác không thuộc trong số các chủ thể quản lý DN hay khi tham gia tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng trong thẩm quyền có quyền chỉ định người ĐDTPL cho DN mà không nhất thiết phải là người quản lý của chính DN.

Ngoài ra, LDN đã có quy định tách bạch giữa việc đại diện với việc quản lý của DN bằng những khái niệm riêng, điều này đồng nghĩa với việc đã có sự phân biệt giữa việc quản lý, sở hữu điều hành DN với quyền ĐDTPL cho DN [5]. Trên thực tế, việc quy định thành hai khái niệm tách rời và từ cơ sở hình thành quyền ĐDTPL đã tạo ra sự chông chéo về mặt thẩm quyền giữa người quản lý và người đại diện mà theo đó cả hai chủ thể này đều có thể có quyền đại diện xác lập, thực hiện các giao dịch trong thẩm quyền. Song song đó, trách nhiệm của người ĐDTPL cho DN sẽ phải gánh chịu những trách nhiệm rất lớn đối với những giao dịch của DN đại diện nếu người đại diện không phải là người quản lý, điều hành DN thì họ không có thông tin cần thiết, có thể không có chuyên môn trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Do đó, họ sẽ phải gánh chịu những hậu quả nặng nề đối với những giao dịch vượt quá năng lực của họ. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 12 LDN năm 2020, một công ty có thể có từ hai người ĐDTPL trở lên, chính quy định này đã làm hạn chế được tình trạng lạm quyền của người đại diện mà trên thực tế từ sự lạm quyền này đã gây ra những thiệt hại rất lớn cho DN, các bên có quyền và lợi ích liên quan khi không có cơ chế kiểm soát việc thực hiện quyền đại diện này [5]. Đồng thời, quy định này sẽ giải quyết được tình trạng thiếu người đại diện cho DN, không cần phải qua cơ chế ủy quyền cho một chủ thể khác khi người đại diện không có mặt tại Việt Nam, cố tình không thực hiện các trách nhiệm với DN hoặc trốn tránh tham gia vào thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, quy định này chỉ phát huy hiệu quả khi DN xác định rõ ràng trách nhiệm đại diện giữa các chủ thể đại diện phù hợp với tính chất của công việc và chuyên môn, nghiệp vụ của người đại diện.

2. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ THẨM QUYỀN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

2.1 Căn cứ xác lập và phạm vi thẩm quyền đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

- ❖ *Căn cứ xác lập thẩm quyền đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp*

Căn cứ xác lập quyền ĐDTPL của DN theo LDN đồng nhất với quy định của BLDS và cũng được hình thành thông qua 3 hình thức: Người được DN chỉ định theo điều lệ; người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định và theo quy định của pháp luật.

Cụ thể, theo khoản 2 Điều 12 LDN quy định “Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Nếu công ty có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật thì Điều lệ công ty quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật”. Để đồng nhất với quy định này, khi liệt kê các nội dung chủ yếu của điều lệ công ty, tại Điều 24, LDN cũng đã đề cập lại hoàn toàn nội dung trên và thông qua các quy định này dẫn chứng cho việc quyền đại diện được ghi nhận, xác lập trong điều lệ của DN. Tuy nhiên, trong thành phần hồ sơ đăng ký thành lập DN dưới loại hình là công ty TNHH, công ty CP, công ty hợp danh thì phải có điều lệ nhưng nếu DN thành lập dưới loại hình DNTN thì không có quy định về điều lệ và cũng không có yêu cầu cung cấp các giấy tờ pháp lý liên quan đến người ĐDTPL cho DN. Do đó, khi điều lệ DN không quy định cụ thể hoặc không có điều lệ thì căn cứ xác lập quyền ĐDTPL được xác lập qua hình thức thứ 2 – Theo quy định của pháp luật. Với hình thức này, pháp luật sẽ xác định người ĐDTPL cho DN tương ứng với từng loại hình DN như quy định tại khoản 3 Điều 54 LDN đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên: “Công ty phải có ít nhất một người đại diện theo pháp luật là người giữ một trong các chức danh là Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật của công ty” hay tại khoản 3 Điều 79 và Điều 81 LDN về người đại diện ĐDTPL của công ty TNHH một thành viên hay đối với công ty hợp danh quy định tại khoản 4 Điều 184 LDN hay tại khoản 3 Điều 190 LDN xác định người ĐDTPL của DNTN chính là chủ của DNTN đó. Ngoài 2 hình thức kể trên, quyền đại diện còn có thể hình thành qua sự quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền như việc tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật [3]. Với quy định này, cơ quan chỉ định người ĐDTPL tham gia tố tụng không chỉ giới hạn là tòa án như BLDS quy định mà ngoài TA thì viện kiểm sát là cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng theo BLTTDS cũng có thẩm quyền đối với vấn đề này.

Với cơ sở xác lập quyền đại diện theo sự chỉ định của các cơ quan tiến hành tố tụng thì thẩm quyền của người đại diện chỉ với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Còn đối với hai hình thức còn lại sẽ là cơ sở để người đại diện xác định được phạm

vi, trách nhiệm và quyền đại diện cho DN và được xem xét dưới các vấn đề sau:

- *Theo quy định của pháp luật*

LDN không quy định về thẩm quyền của người ĐDTPL bằng một điều luật cụ thể mà chỉ xác định trách nhiệm mà người đại diện phải đảm bảo thực hiện thông qua Điều 13. Do đó, những quyền cơ bản của người đại diện không được quy định cụ thể, họ sẽ không có căn cứ để yêu cầu DN cung cấp các thông tin cần thiết như kết luận cuộc họp, báo cáo, tình trạng tài chính của DN... Trường hợp họ không phải là người quản lý của DN thì việc đảm bảo các trách nhiệm theo Điều 13 không dễ dàng và chính họ cũng không thể tự bảo vệ, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của chính họ. Ngoài ra, người ĐDTPL có thể là người quản lý DN và với mỗi vị trí quản lý cấp cao tương ứng với từng loại hình DN, LDN đều quy định rõ về quyền và nghĩa vụ trong việc quản lý, điều hành gắn liền với mỗi vị trí quản lý này nhưng lại không phân định về thẩm quyền đại diện khi pháp luật chỉ định họ là người đại diện cho DN. Song song đó, trong một số trường hợp người đại diện đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của DN nhưng vẫn xảy ra những thiệt hại, tổn thất cho DN nhưng do pháp luật không quy định những điều kiện miễn trách nhiệm với việc đại diện nên người đại diện vẫn phải gánh chịu những trách nhiệm bất lợi.

- *Theo điều lệ của doanh nghiệp*

Dựa trên việc tự chủ và việc thống nhất ý chí giữa các thành viên của DN, pháp luật cho phép DN xác định thẩm quyền của người đại diện trong văn bản được xem như có hiệu lực pháp lý và thi hành cao nhất của DN – Điều lệ của DN. Theo đó, ngoài việc xác định quyền và nghĩa vụ của người ĐDTPL cho DN thì đây là văn bản cung cấp các thông tin về DN như vốn điều lệ, tỷ lệ sở hữu phần vốn góp/số cổ phần, cơ cấu tổ chức của DN cũng như quyền và nghĩa vụ của các thành viên/cổ đông DN. Do đó, các văn bản nội bộ sẽ không được trái với các quy định trong điều lệ của DN [5]. Vậy, việc xác định được thẩm quyền của người ĐDTPL sẽ dựa trên cơ sở vững chắc nhất chính là điều lệ. Tuy nhiên, hiện nay, thông tin về DN đăng trên Cổng thông tin đăng ký DN quốc gia còn khá ít [8], đồng thời, theo quy định về việc công bố các thông tin của DN thì điều lệ hay người ĐDTPL cho DN không thuộc các thông tin bắt buộc phải công bố của DN hay tổ chức, cá nhân muốn biết các thông tin DN có thể yêu cầu cung cấp thông tin đăng ký DN nhưng chỉ có thể biết về họ tên người ĐDTPL [7] mà không thể xác định được thẩm quyền đại diện của người này cũng như việc thông tin này là những thông tin có được khi đăng ký thành lập còn những thay đổi về người ĐDTPL cũng không được cập nhật cụ thể. Do đó, khi xác lập các giao dịch với DN, bên đối tác sẽ khó khăn trong việc xác định người đại diện cho DN ký kết có thẩm quyền do việc tiếp cận các thông tin xác thực không dễ dàng hoặc dựa trên điều lệ mà DN công khai họ cũng mất thời gian để rà soát, đối chiếu lại các quy định trong điều lệ, văn bản nội bộ về vấn đề này.

- ❖ *Phạm vi thẩm quyền đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp*

Về nguyên tắc, người ĐDTPL nói chung chỉ được xác lập, thực hiện các giao dịch trong phạm vi đại diện theo

quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo điều lệ của pháp nhân. Bên cạnh đó, theo BLDS, trong trường hợp không xác định được phạm vi đại diện cụ thể thì người đại diện có quyền xác lập mọi giao dịch hợp pháp vì lợi ích của doanh nghiệp đại diện [1]. Về nội dung trên LDN cũng kế thừa hoàn toàn nếu DN có nhiều người ĐDTPL và điều lệ DN không quy định cụ thể về vấn đề này. Ngoài ra, LDN còn bổ sung thêm quy định về trách nhiệm của những người cùng là người ĐDTPL của DN đối với thiệt hại gây ra cho DN như sau “Tất cả người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm liên đới đối với thiệt hại gây ra cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan”. Tuy nhiên, việc thừa nhận thẩm quyền đầy đủ đối với những người đồng ĐDTPL cho DN chỉ khi điều lệ không xác định hoặc xác định không rõ ràng về phạm vi thẩm quyền giữa những người đại diện này mà không phải là quy định chung, thành nguyên tắc cho các trường hợp thẩm quyền xác lập theo PL hay theo chỉ định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Song song đó, việc LDN quy định cần phân định thẩm quyền giữa những người cùng là ĐDTPL mà không quy định các căn cứ, điều kiện, giới hạn cụ thể cho việc phân định này sẽ thật khó để thực hiện trên thực tế chỉ trừ khi người đại diện đồng thời là người quản lý theo từng lĩnh vực, chuyên môn của DN thì việc phân định này mới có cơ sở. Vì bản chất của việc đại diện là nhân danh DN để xác lập, thực hiện với bên ngoài nên rất khó để tách bạch phạm vi này [5]. Ngoài ra, giả sử trong trường hợp có xác định rõ phạm vi đại diện của từng người nhưng nếu thẩm quyền chồng chéo, mâu thuẫn dẫn đến sự xung đột thẩm quyền với nhau và trong trường hợp chính những người ĐDTPL này để chứng minh thẩm quyền của chính mình, dẫn chiếu đến các văn bản nội bộ khác của DN thì việc xác định tính hợp pháp của văn bản cũng như thẩm quyền thuộc về ai là một vấn đề nan giải.

Bên cạnh đó, pháp luật hiện hành cũng không cho phép người ĐDTPL nhân danh DN để xác lập, thực hiện giao dịch với chính mình hoặc bên thứ ba mà họ cũng là người đại diện của người đó.

2.2 Trách nhiệm dân sự của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Trách nhiệm dân sự của người ĐDTPL cho DN là trách nhiệm về tài sản của người đại diện đối với chính DN đại diện hoặc đối với bên thứ ba có phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ pháp lý với DN đại diện. Theo đó, người ĐDTPL đã vi phạm vào các nghĩa vụ hoặc phạm vi đại diện [8] theo các căn cứ xác lập quan hệ đại diện với DN.

Khi thực hiện việc nhân danh DN để xác lập, thực hiện các giao dịch nhất định mà xảy ra những vi phạm và có căn cứ của việc vi phạm này xuất phát từ việc người ĐDTPL đã không đảm bảo các trách nhiệm, nghĩa vụ theo luật định hoặc theo các văn bản của DN về xác định thẩm quyền, phạm vi đại diện thì người ĐDTPL của DN phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho DN và bên thứ ba. Cụ thể, như trong trường hợp người ĐDTPL thực hiện hành vi vi phạm vượt quá hoặc không nằm trong thẩm quyền đại diện hoặc xác lập các giao dịch, hợp đồng chưa được sự chấp thuận của DN hay trong trường hợp người đại diện không vì lợi ích của DN đại diện, lạm dụng

địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của DN để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Tuy nhiên, trách nhiệm dân sự của người ĐDTPL đối với DN chỉ là trách nhiệm cá nhân của chính họ khi người đại diện thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hay không đảm bảo đúng trách nhiệm theo luật định, theo cam kết với DN mà DN không biết hoặc không thể biết, không kiểm soát, dự liệu được đối với việc vi phạm này của người đại diện hoặc DN đảm bảo cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động tổ chức, kinh doanh cần thiết cho việc đại diện của người đại diện. Ngược lại, việc vi phạm của người đại diện mà DN biết, kiểm soát được với hành vi của người đại diện hoặc DN không đảm bảo các điều kiện cho người đại diện thực hiện các công việc đại diện thì DN đó phải liên đới chịu trách nhiệm cùng với người đại diện.

Thực tế, để xác định trách nhiệm dân sự của cá nhân người đại diện cho DN và DN đối với bên thứ ba thật không dễ dàng vì như đã trình bày ở trên, cơ sở để xác định quyền đại diện và phạm vi đại diện của người đại diện không rõ ràng và cũng không có nguyên tắc pháp định thống nhất nào để xác định thẩm quyền của người đại diện, và thẩm quyền này còn được xác định dần trải trong các văn bản nội bộ của DN. Do đó, để xác định người đại diện đã đảm bảo đúng nghĩa vụ, không vượt quá thẩm quyền đại diện hay chưa cũng khó khăn, không kể đến việc dù người đại diện đã thực hiện đúng các thỏa thuận về việc đại diện với DN, nhân danh và vì lợi ích của DN nhưng để chối bỏ trách nhiệm đối với các thiệt hại cho người thứ ba mà DN sửa đổi các nội dung trong các văn bản nội bộ về vấn đề đại diện để quy hết các trách nhiệm cho người đại diện mà về vấn đề này, PLVN chưa quy định cụ thể [8].

3. KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ THẨM QUYỀN NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Với những phân tích ở trên, tác giả có một số kiến nghị để hoàn thiện các quy định pháp luật về thẩm quyền của người ĐDTPL của DN như sau:

Thứ nhất, trên thực tế ngoài hoạt động nhân danh DN để thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của DN thì hoạt động chủ yếu của người đại diện là nhân danh DN để xác lập các giao dịch, hợp đồng giữa DN và bên thứ ba không chỉ là các cơ quan nhà nước đối với quá trình tố tụng. Đây được coi là hoạt động then chốt và đảm bảo được đúng bản chất của việc đại diện không chỉ trong quan hệ với DN và với cả bên thứ ba. Do đó, cần bổ sung nội hàm này vào khái niệm về người ĐDTPL của DN tại khoản 1 Điều 12 LDN hiện hành và đồng thời để thống nhất với các quy định của BLDS về vấn đề liên quan.

Thứ hai, đối với chủ thể ĐDTPL cho DN không nên giới hạn chỉ là cá nhân theo quy định của LDN hiện hành mà có thể mở rộng theo BLDS, Bộ luật Tố tụng Dân sự bao gồm cả pháp nhân và có thể giới hạn những điều kiện để pháp nhân trở thành đại diện cho DN trong những trường hợp nhất định tại Điều 12 LDN năm 2020. Thực tế, LDN cũng không phủ định hoàn toàn việc pháp nhân có thể trở thành người ĐDTPL, có thể dẫn chứng theo khoản 6 Điều 12 LDN 2020 quy định đối với công ty TNHH hai

TV trở lên trong trường hợp cá nhân là người ĐDTPL thuộc các tình trạng luật dự liệu như chết, mất tích, bị phạt tù... thì thành viên còn lại đương nhiên làm người ĐDTPL của công ty cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên về người ĐDTPL của công ty [10] và thành viên của loại hình DN này có thể là cá nhân, tổ chức. Như thế, theo đúng tinh thần của quy định trên, nếu thành viên còn lại là tổ chức thì sẽ mặc nhiên là người ĐDTPL. Bên cạnh đó, để đảm bảo được các trách nhiệm của người đại diện và xác định được các quyền đại diện của người đại diện được cụ thể và có cơ sở trong việc phân chia thẩm quyền giữa những người đại diện trong trường hợp DN có từ hai người ĐDTPL trở lên thì có thể quy định quyền đại diện gắn với các chức danh quản lý cấp cao của DN dựa trên sự tham khảo pháp luật của một số quốc gia trên thế giới như theo Điều 226-7, Bộ luật Thương mại Pháp năm 1807, sửa đổi bổ sung năm 2020 quy định trong công ty TNHH “Người quản lý công ty là đại diện của công ty TNHH. Người quản lý của công ty thực hiện các hành động pháp lý nhân danh và vì lợi ích của công ty” hay theo Điều 35.2, Luật Công ty TNHH Đức năm 2006 quy định “Các giám đốc điều hành là người đại diện, công ty có thể có một hoặc nhiều giám đốc điều hành. Nếu một số giám đốc điều hành được bổ nhiệm, tất cả họ chỉ được ủy quyền chung để đại diện cho công ty, trừ trường hợp điều lệ có quy định khác” [6]... thay vì tách bạch quy định về người ĐDTPL với người quản lý DN như pháp luật Việt Nam hiện nay.

Thứ ba, căn cứ xác định quyền ĐDTPL của DN theo pháp luật quy định sẽ dễ dàng xác định được người đại diện tương ứng với từng loại hình DN nhưng trong trường hợp xác định quyền đại diện qua điều lệ DN thì trong một số trường hợp khá phức tạp, chủ yếu dựa trên các văn bản nội bộ của DN mà xác thực nhất phải kể đến đó là điều lệ. Tuy nhiên, không phải DN nào cũng có điều lệ như DNTN và không phải lúc nào điều lệ cũng xác định cụ thể thẩm quyền, phạm vi đại diện của những người ĐDTPL cho DN và đồng thời việc công khai điều lệ và các nội dung như thay đổi người đại diện theo quy định lại không bắt buộc trong quá trình được cấp giấy chứng nhận đăng ký DN và hoạt động, tổ chức của DN. Do đó, cần quy định bổ sung về việc công bố điều lệ, người đại diện cho DN là bắt buộc với các thông tin cụ thể và cả các thông tin thay đổi, điều chỉnh về vấn đề này vào Điều 35, Điều 36 và Điều 63, Nghị định 01/2021/NĐ-CP. Ngoài ra, mặc dù khoản 4 Điều 141 BLDS năm 2015 quy định “người đại diện phải thông báo cho bên giao dịch biết về phạm vi đại diện của mình” nhưng trong trường hợp người đại diện cố tình không thông báo thì lại không có chế tài để ràng buộc trách nhiệm của DN đối với giao dịch trong trường hợp này chưa kể đến việc pháp luật cũng không quy định cụ thể về việc thông báo sẽ được thực hiện như thế nào. Theo đó, cần quy định bắt buộc công bố các thông tin về điều lệ DN và các văn bản nội bộ có liên quan đến việc xác lập thẩm quyền, phạm vi đại diện hay việc phân định thẩm quyền giữa những người ĐDTPL, việc thay đổi người đại diện trên các kênh thông tin phù hợp để tránh được các rủi ro trong quá trình xác lập, thực hiện hợp đồng và dễ dàng xác định được trách nhiệm của người đại diện, của DN đối với các thiệt hại thực tế liên quan đến việc đại diện này cho DN và bên thứ ba trong quan hệ với DN.

Thứ tư, phạm vi ĐDTPL của người đại diện cho DN trong trường hợp phân chia quyền, nghĩa vụ của từng

người theo pháp luật chưa được quy định rõ. Đồng thời, với quy định tại khoản 2 Điều 12 LDN không nên chỉ được áp dụng trong trường hợp xác định thẩm quyền theo điều lệ mà nên xem đây là nguyên tắc chung cho cả trường hợp việc phân định thẩm quyền giữa những người ĐDTPL cho DN theo luật định.

Thứ năm, về trách nhiệm dân sự đối với người ĐDTPL cho DN cần phải quy định lồng ghép vào Điều 13 LDN năm 2020. Về miễn trách nhiệm đối với người đại diện nói chung và trong trường hợp đã xác lập, thực hiện các giao dịch nhân danh DN, vì lợi ích của DN và đã thực hiện các nghĩa vụ trong thẩm quyền mà vẫn có thiệt hại xảy ra cho DN hoặc bên thứ ba nhằm bảo vệ và đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp cho người đại diện.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quốc hội. (2015). *Bộ luật Dân sự 2015*, ban hành ngày 24/11/2015. Truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Bo-luat-dan-su-2015-296215.aspx>.
 - [2] Quốc hội (2015), *Bộ luật Tổ tụng Dân sự 2015*, ban hành ngày 25/11/2015. Truy cập từ *Bộ luật tổ tụng dân sự 2015 số 92/2015/QH13 mới nhất* (thuvienphapluat.vn).
 - [3] Quốc hội (2020), *Luật Doanh nghiệp 2020*, ban hành ngày 17/6/2020. Truy cập từ *Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14 mới nhất* (thuvienphapluat.vn).
 - [4] Chính phủ (2021), *Nghị định số 01/2021/NĐ-CP nghị định của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp*, ban hành ngày 04/01/2021, Truy cập từ *Nghị định 01/2021/NĐ-CP đăng ký doanh nghiệp mới nhất* (thuvienphapluat.vn).
 - [5] Hồ Thị Lam Thùy (2018). *Người đại diện doanh nghiệp và các quy định liên quan – Một nghiên cứu so sánh*. Luận văn Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
 - [6] Nguyễn Thị Thanh (2021). *Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo pháp luật doanh nghiệp Việt Nam hiện nay*. Luận văn Tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội.
 - [7] Bùi Đức giang.(2021). *Hành lang pháp lý về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nhìn từ thực tiễn*. Truy cập ngày 15/01/2023 từ <https://tapchinganhang.gov.vn/hanh-lang-phap-ly-ve-nguoi-dai-dien-theo-phap-luat-cua-doanh-nghiep-nhin-tu-thuc-tien.htm>.
 - [8] Vũ Quang. (2021). Trách nhiệm dân sự của người đại diện pháp nhân *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, Số 14 (438), T7/2021.
 - [9] Tạ Kiến Tường, Người đại diện theo pháp luật theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, *Tạp chí Công thương*, Số 18 (1), T8/2022.
- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp năm 2020 (tapchicongthuong.vn).
- [10] Phạm Thị Lệ Xuân. (2022). *Hoàn thiện quy định của luật Doanh nghiệp về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp*. Truy cập ngày 13/01/2023 từ *Hoàn thiện quy định của luật doanh nghiệp về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp* (tapchitoaan.vn).